

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227642

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

3. Ký hiệu mẫu : NT1 – Nước thải đầu ra của Trạm XLNTTT số 1
(X: 1237631.8N; Y: 592854.9E)

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	27,1	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	10	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	6,90	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	6	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	14	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	10	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	7,2	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	0,51	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	N-NH ₄ ⁺	mg/l	KPH (LOD=0,25)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,08)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F ⁻)	mg/l	0,46	SMEWW 4500-F.B&D:2017
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	181	SMEWW

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-CT.B:2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^- .C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1 μ g/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227643

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

3. Ký hiệu mẫu : NT2 – Nước thải tại hồ chứa nước thải sau xử lý Lưu vực số 1 trước khi xả ra suối (X: 1237633.5N; Y: 592859.2E)

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	27,3	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	11	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	6,98	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	7	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	15	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	11	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	7,8	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	0,62	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	N-NH ₄ ⁺	mg/l	KPH (LOD=0,25)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,08)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F ⁻)	mg/l	0,51	SMEWW 4500-F.B&D:2017
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	190	SMEWW 4500-Cl.B:2017

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^{-})	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^{-} .C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1 μ g/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227644

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

**3. Ký hiệu mẫu : NT3 – Nước thải đầu ra của Trạm XLNTTT số 3
(X: 1230617.7N; Y: 591912.2E)**

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	27,4	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	11	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	6,96	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	8	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	17	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	12	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	7,4	TCVN 6638:2000
8	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	KPH (LOD=0,05)	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	N-NH ₄ ⁺	mg/l	KPH (LOD=0,25)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,08)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F ⁻)	mg/l	0,39	SMEWW 4500-F.B&D:2017
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	85,2	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



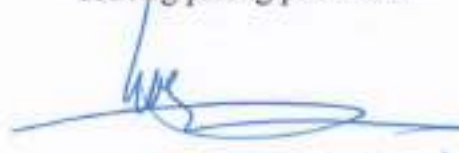
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl.B:2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN.C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1 μ g/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích


Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc


Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227645

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

3. Ký hiệu mẫu : NT4 – Nước thải tại hồ chứa nước thải sau xử lý Lưu vực số 3 trước khi xả ra suối Bà Tươi (X: 1231403.4N; Y: 591304.7E)

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	27,6	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	11	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	7,43	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	10	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	21	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	10	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	7,8	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	KPH (LOD=0,05)	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	N-NH ₄ ⁺	mg/l	KPH (LOD=0,25)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,08)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2017
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500-Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F ⁻)	mg/l	0,45	SMEWW 4500-F.B&D:2017
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	91,1	SMEWW 4500-Cl.B:2017

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^- C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1 μ g/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227646

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

3. Ký hiệu mẫu : NT5 – Nước thải đầu ra của Trạm XLNTTT số 4
(X: 1230656.9N; Y: 592058.1E)

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	27,2	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	10	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	7,07	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	6	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	13	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	9	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	9,2	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	0,48	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	N-NH ₄ ⁺	mg/l	KPH (LOD=0,25)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3113B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,04)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F ⁻)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F.B&D:2017
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	131	SMEWW

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl.B:2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^{-})	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN.C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1 μ g/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227647

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

3. Ký hiệu mẫu : NT6 – Nước thải tại hồ chứa nước thải sau xử lý Lưu vực số 4 trước khi xả ra suối Cầu Đức (X: 1230612.3N; Y: 592038.1E)

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	27,4	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	12	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	7,55	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	11	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	24	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	11	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	8,8	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	0,39	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	N-NH ₄ ⁺	mg/l	KPH (LOD=0,25)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3113B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3113B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,04)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F ⁻)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F.B&D:2017
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	150	SMEWW 4500-Cl.B:2017

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^- C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1 $\mu g/L$)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích


Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227648

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

**3. Ký hiệu mẫu : NT7 – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty Gain Lucky
(X: 1233117.8N; Y: 590668.2E)**

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	27,4	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	11	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	7,46	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	6	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	14	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	9	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	4,2	TCVN 6638:2000
8	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	0,27	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	N-NH ₄ ⁺	mg/l	KPH (LOD=0,25)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	1,1 x 10 ²	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,04)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F ⁻)	mg/l	0,28	SMEWW 4500-F.B&D:2017
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	51,1	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-CT.B:2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^- C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1 $\mu g/L$)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227649

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

3. Ký hiệu mẫu : NT8 – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty Brotex
(X: 1234006.6N; Y: 591502.1E)

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	27,3	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	10	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	8,22	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	6	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	14	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	11	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	7,2	TCVN 6638:2000
8	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	N-NH ₄ ⁺	mg/l	KPH (LOD=0,25)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	75	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3113B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3113B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,04)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F ⁻)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F.B&D:2017
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	59,8	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-CT.B:2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^{-})	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^{-} .C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1 μ g/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện. LOD: Giới hạn phát hiện

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227650

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

**3. Ký hiệu mẫu : NT9 – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty Dệt sợi Continental
(X: 1230681.2N; Y: 592422.3E)**

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	27,2	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	11	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	8,01	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	11	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	24	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	10	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	7,9	TCVN 6638:2000
8	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	0,10	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	N-NH ₄ ⁺	mg/l	KPH (LOD=0,25)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	24	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,08)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F ⁻)	mg/l	0,58	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2017
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	140	SMEWW

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-CF.B:2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^{-})	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^{-} .C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1 μ g/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Bảo

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227651

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

**3. Ký hiệu mẫu : NT10 – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty New Wide
(X: 1231008.8N; Y: 591745.5E)**

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	27,1	SMEWW 2530B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	10	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	7,69	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	16	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	34	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	12	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	5,1	TCVN 6638:2000
8	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/l	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	N-NH ₄ ⁺	mg/l	KPH (LOD=0,25)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,08)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F ⁻)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F.B&D:2017
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	30,8	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-Cl ⁻ .B:2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN ⁻ .C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1 μ g/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227652

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

**3. Ký hiệu mẫu : NT12 – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty Lian Ta Hsing
(X: 1233357.4N; Y: 589917.0E)**

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	27,5	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	10	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	7,88	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	6	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	13	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	9	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	< 3,33	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	KPH (LOD=0,02)	SMEWW 4500-P,B&E:2017
9	N-NH ₄ ⁺	mg/l	KPH (LOD=0,25)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1996
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3112B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,04)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F ⁻)	mg/l	0,71	SMEWW 4500-F.B&D:2017
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	140	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-CT.B:2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^- .C&E:2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F:2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C:2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1 $\mu g/L$)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227653

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

**3. Ký hiệu mẫu : NT11 – Nước thải đầu ra của HTXLNT Công ty Hailide
(X: 1233118.1N; Y: 590672.5E)**

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	27,6	SMEWW 2550B:2017
2	Màu (pH = 7)	Pt/Co	12	SMEWW 2120C:2017
3	pH	-	7,57	TCVN 6492:2011
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	6	TCVN 6001-1:2008
5	COD	mg/l	14	SMEWW 5220C:2017
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	10	TCVN 6625:2000
7	Tổng nitơ	mg/l	5,1	TCVN 6638:2000
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	KPH (LOD=0,05)	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	N-NH ₄ ⁺	mg/l	KPH (LOD=0,25)	TCVN 5988:1995
10	Coliform	MPN/100ml	< 3	TCVN 6187-2:1995
11	Asen (As)	mg/l	KPH (LOD=0,0023)	SMEWW 3113B:2017
12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (LOD=0,0002)	SMEWW 3113B:2017
13	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0,0007)	SMEWW 3113B:2017
14	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0,0003)	SMEWW 3113B:2017
15	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3113B:2017
16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (LOD=0,04)	TCVN 6177:1996
17	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
18	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3500.Cr.B:2017
19	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 3111B:2017
20	Niken (Ni)	mg/l	KPH (LOD=0,003)	SMEWW 3113B:2017
21	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 3111B:2017
22	Florua (F ⁻)	mg/l	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500-F.B&D:2017
23	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	29,9	SMEWW

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp phân tích
				4500-CT.B-2017
24	Sunfua (S^{2-})	mg/l	KPH (LOD=0,03)	US EPA Method 376.2
25	Tổng xianua (CN^-)	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 4500 CN^- C&E-2017
26	Clo dư	mg/l	KPH (LOD=0,15)	TCVN 6225-3:2011
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	SMEWW 5520B&F-2017
28	Tổng phenol	mg/l	KPH (LOD=0,001)	SMEWW 5530B&C-2017
29	Tổng PCB	mg/l	KPH (LOD=0,1 μ g/L)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D
30	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH (LOD=0,025)	TCVN 6622-1:2009

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227654

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Bùn thải

3. Thông tin mẫu : BT1 - Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải của trạm XLNTTT số 1
(X: 1237583.9N; Y: 592927.7E)

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	T	-	0,202	-	-	TCVN 6648:2000
2	pH	-	6,53	-	2 – 12,5	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D
3	Asen (As)	ppm	1,6	0,36	9,68	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017
4	Bạc (Ag)	ppm	KPH	0,16	24,2	
5	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,18	2,42	
6	Chì (Pb)	ppm	21,1	0,23	72,6	
7	Selen (Se)	ppm	KPH	0,20	4,84	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017
8	Bari (Ba)	ppm	KPH	3,25	484	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3111D:2017
9	Coban (Co)	ppm	KPH	0,83	387	TCVN 8963:2011 + TCVN 6496:2009
10	Kẽm (Zn)	ppm	120	2,74	1210	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017
11	Niken (Ni)	ppm	56,8	3,53	339	US EPA Method 7471B + SMEWW 3112B:2017
12	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,11	0,97	US EPA Method 7471B + SMEWW 3112B:2017
13	Crom VI (Cr ⁶⁺)	ppm	KPH	3,0	24,2	US EPA Method 3060A + EPA Method 7196A
14	Xyanua	ppm	KPH	3,0	143	EPA Method 9013A + EPA Method 9010C + EPA Method 9014
15	Tổng dầu	mg/l	KPH	5,0	50 (*)	TCVN 9239:2017 + SMEWW 5520B:2017
16	Phenol	ppm	KPH	3,0	4838	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8041A

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
17	Benzen (C_6H_6)	ppm	KPH	0,4	2,42	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D
18	Toluen	ppm	KPH	0,4	4838	
19	Clobenzen	ppm	KPH	0,4	339	
20	Naptalen	ppm	KPH	0,015	242	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện;
- (*) Giá trị so sánh với ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết Cte (mg/l)
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bản thái từ quá trình xử lý nước



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227655

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Bùn thải

3. Thông tin mẫu : BT2 - Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải của trạm XLNTTT số 3
(X: 1230654.3N; Y: 592137.7E)

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	T	-	0,234	-	-	TCVN 6648:2000
2	pH	-	6,75	-	2 – 12,5	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D
3	Asen (As)	ppm	KPH	0,36	10,9	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017
4	Bạc (Ag)	ppm	KPH	0,16	27,2	
5	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,18	2,72	
6	Chì (Pb)	ppm	KPH	0,23	81,7	
7	Selen (Se)	ppm	KPH	0,20	5,45	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017
8	Bari (Ba)	ppm	KPH	3,25	545	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3111D:2017
9	Coban (Co)	ppm	KPH	0,83	436	TCVN 8963:2011 + TCVN 6496:2009
10	Kẽm (Zn)	ppm	36,2	2,74	1362	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017
11	Niken (Ni)	ppm	31,8	3,53	381	
12	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,11	1,09	US EPA Method 7471B + SMEWW 3112B:2017
13	Crom VI (Cr ⁶⁺)	ppm	KPH	3,0	27,2	US EPA Method 3060A + EPA Method 7196A
14	Xyanua	ppm	KPH	3,0	161	EPA Method 9013A + EPA Method 9010C + EPA Method 9014
15	Tổng dầu	mg/l	KPH	5,0	50 (*)	TCVN 9239:2017 + SMEWW 5520B:2017
16	Phenol	ppm	KPH	3,0	5446	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8041A

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
17	Benzen (C_6H_6)	ppm	KPH	0,4	2,72	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D
18	Toluen	ppm	KPH	0,4	5446	
19	Clobenzen	ppm	KPH	0,4	381	
20	Naptalen	ppm	KPH	0,015	272	US EPA Method 3350C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện;
- (*) Giá trị so sánh với ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngấm chiết C_{tc} (mg/l)
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227656

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Bùn thải

3. Thông tin mẫu : BT3 - Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải của trạm XLNTTT số 4
 (X: 1230692.4N; Y: 592044.2E)

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	T	-	0,190	-	-	TCVN 6648:2000
2	pH	-	6,51	-	2 – 12,5	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D
3	Asen (As)	ppm	KPH	0,36	9,2	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017
4	Bạc (Ag)	ppm	KPH	0,16	23,1	
5	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,18	2,31	
6	Chì (Pb)	ppm	KPH	0,23	69,2	
7	Selen (Se)	ppm	KPH	0,20	4,61	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017
8	Bari (Ba)	ppm	KPH	3,25	461	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3111D:2017
9	Coban (Co)	ppm	KPH	0,83	369	TCVN 8963:2011 + TCVN 6496:2009
10	Kẽm (Zn)	ppm	29,6	2,74	1153	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017
11	Niken (Ni)	ppm	27,3	3,53	323	
12	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,11	0,92	US EPA Method 7471B + SMEWW 3112B:2017
13	Crom VI (Cr ⁶⁺)	ppm	KPH	3,0	23,1	US EPA Method 3060A + EPA Method 7196A
14	Xyanua	ppm	KPH	3,0	136	EPA Method 9013A + EPA Method 9010C + EPA Method 9014
15	Tổng dầu	mg/l	KPH	5,0	50 (*)	TCVN 9239:2017 + SMEWW 5520B:2017
16	Phenol	ppm	KPH	3,0	4610	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8041A

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
17	Benzen (C_6H_6)	ppm	KPH	0,4	2,31	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D
18	Toluen	ppm	KPH	0,4	4610	
19	Clobenzen	ppm	KPH	0,4	323	
20	Naptalen	ppm	KPH	0,015	231	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện;
- (*) Giá trị so sánh với ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết Ctc (mg/l)
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227657

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Bùn thải

3. Thông tin mẫu : BT4 - Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Nước cấp 1
(X: 1235436.2N; Y: 593692.5E)

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	T	-	0,183	-	-	TCVN 6648:2000
2	pH	-	6,20	-	2 – 12,5	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D
3	Asen (As)	ppm	KPH	0,36	8,95	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017
4	Bạc (Ag)	ppm	KPH	0,16	22,4	
5	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,18	2,24	
6	Chì (Pb)	ppm	KPH	0,23	67,2	
7	Selen (Se)	ppm	KPH	0,20	4,48	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017
8	Bari (Ba)	ppm	KPH	3,25	448	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3111D:2017
9	Coban (Co)	ppm	KPH	0,83	358	TCVN 8963:2011 + TCVN 6496:2009
10	Kẽm (Zn)	ppm	< 9,13	2,74	1119	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017
11	Niken (Ni)	ppm	< 11,77	3,53	313	
12	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,11	0,90	US EPA Method 7471B + SMEWW 3112B:2017
13	Crom VI (Cr ⁶⁺)	ppm	KPH	3,0	22,4	US EPA Method 3060A + EPA Method 7196A
14	Xyanua	ppm	KPH	3,0	132	EPA Method 9013A + EPA Method 9010C + EPA Method 9014
15	Tổng dầu	mg/l	KPH	5,0	50 (*)	TCVN 9239:2017 + SMEWW 5520B:2017
16	Phenol	ppm	KPH	3,0	4477	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8041A

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
17	Benzen (C_6H_6)	ppm	KPH	0,4	2,24	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D
18	Toluen	ppm	KPH	0,4	4477	
19	Clobenzen	ppm	KPH	0,4	313	
20	Naptalen	ppm	KPH	0,015	224	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện;
- (*) Giá trị so sánh với ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngấm chiết Ctc (mg/l)
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227658

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Bùn thải

3. Thông tin mẫu : BT5 - Bùn thải sau hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy Nước cấp 2
 (X: 123521.4N; Y: 593670.7E)

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	T	-	0,223	-	-	TCVN 6648:2000
2	pH	-	6,10	-	2 – 12,5	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9045D
3	Asen (As)	ppm	KPH	0,36	10,5	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017
4	Bạc (Ag)	ppm	KPH	0,16	26,2	
5	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,18	2,62	
6	Chì (Pb)	ppm	KPH	0,23	78,6	
7	Selen (Se)	ppm	KPH	0,20	5,24	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3113B:2017
8	Bari (Ba)	ppm	KPH	3,25	524	TCVN 8963:2011 + SMEWW 3111D:2017
9	Coban (Co)	ppm	KPH	0,83	419	TCVN 8963:2011 + TCVN 6496:2009
10	Kẽm (Zn)	ppm	11,2	2,74	1309	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017
11	Niken (Ni)	ppm	16,6	3,53	367	
12	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,11	1,05	US EPA Method 2471B + SMEWW 3112B:2017
13	Crom VI (Cr ⁶⁺)	ppm	KPH	3,0	26,2	US EPA Method 3060A + EPA Method 7196A
14	Xyanua	ppm	KPH	3,0	154	EPA Method 9013A + EPA Method 9010C + EPA Method 9014
15	Tổng dầu	mg/l	KPH	5,0	50 (*)	TCVN 9239:2017 + SMEWW 5520B:2017
16	Phenol	ppm	KPH	3,0	5237	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8041A

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
17	Benzen (C_6H_6)	ppm	KPH	0,4	2,62	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8015D
18	Toluen	ppm	KPH	0,4	5237	
19	Clobenzen	ppm	KPH	0,4	367	
20	Naptalen	ppm	KPH	0,015	262	US EPA Method 3550C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện;
- (*) Giá trị so sánh với ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngầm chiết C_{ic} (mg/l)
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 22.7744

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY SẢN XUẤT NƯỚC ĐÓNG CHAI

Địa chỉ: KCN Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

3. Ký hiệu mẫu : NT – Nước thải (X: 592397.9E; Y: 1231042.4N)

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn Khu công nghiệp Phước Đông (*)	Phương pháp phân tích
1	pH	-	6,68	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	28	150	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	56	250	SMEWW 5220C:2017
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	22	150	TCVN 6625:2000
5	Tổng nitơ	mg/l	14,9	40	TCVN 6638:2000
6	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	0,61	6	SMEWW 4500-P.B&E:2017
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	8,4	10	TCVN 5988:1995
8	Coliform	MPN/100ml	1,4 x 10 ³	5000	TCVN 6187-1:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện
- (*) Giá trị giới hạn KCN Phước Đông, áp dụng điều kiện xả thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong KCN Phước Đông



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 22.7649

1. Địa điểm lấy mẫu : TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: KCN Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải**3. Ký hiệu mẫu** : NT – Nước thải (X: 588772.4E; Y: 1231549.1N)**4. Ngày lấy mẫu** : 17/11/2022**5. Ngày trả kết quả** : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn Khu công nghiệp Phước Đông (*)	Phương pháp phân tích
1	pH	-	6,86	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	67	150	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	133	250	SMEWW 5220C:2017
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	34	150	TCVN 6625:2000
5	Tổng nitơ	mg/l	26,2	40	TCVN 6638:2000
6	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	1,3	6	SMEWW 4500-P,B&E:2017
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	8,6	10	TCVN 5988:1995
8	Coliform	MPN/100ml	2,8 x 10 ³	5000	TCVN 6187-1:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện
- (*) Giá trị giới hạn KCN Phước Đông, áp dụng điều kiện xả thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong KCN Phước Đông



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 22.7765

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU DÂN CƯ THUẬN LỢI

Địa chỉ: KCN Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải3. Ký hiệu mẫu : NT – Nước thải (X: 592771.9E; Y: 1237695.7N)4. Ngày lấy mẫu : 18/11/20225. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn Khu công nghiệp Phước Đông (*)	Phương pháp phân tích
1	pH	-	6,35	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24	150	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	45	250	SMEWW 5220C:2017
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	21	150	TCVN 6625:2000
5	Tổng nitơ	mg/l	13,2	40	TCVN 6638:2000
6	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	0,53	6	SMEWW 4500-P.B&E:2017
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	8,6	10	TCVN 5988:1995
8	Coliform	MPN/100ml	1,1 x 10 ³	5000	TCVN 6187-1:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện
- (*) Giá trị giới hạn KCN Phước Đông, áp dụng điều kiện xả thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong KCN Phước Đông

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227664

1. Địa điểm lấy mẫu : KÝ TÚC XÁ 158 CĂN

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

3. Ký hiệu mẫu : NT – Nước thải ký túc xá 158 căn (X: 1233778; Y: 0591063)

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 26/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn Khu công nghiệp Phước Đông ^(*)	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,15	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	72	150	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	139	250	SMEWW 5220C:2017
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	44	150	TCVN 6625:2000
5	Tổng nitơ	mg/l	25,6	40	TCVN 6638:2000
6	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	1,4	6	SMEWW 4500-P.B&E:2017
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	8,8	10	TCVN 5988:1995
8	Coliform	MPN/100ml	3,6 x 10 ³	5000	TCVN 6187-1:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuộc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện
- (*) Giá trị giới hạn KCN Phước Đông, áp dụng điều kiện xả thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong KCN Phước Đông

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227661

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY NƯỚC CẤP KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải nhà máy nước cấp

**3. Ký hiệu mẫu : NT – Nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải
(X: 594196.9E; Y: 1231298.4N)**

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH	-	6,92	6 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	22	30	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	54	75	SMEWW 5220C:2017
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	17	50	TCVN 6625:2000
5	Tổng nitơ	mg/l	8,4	20	TCVN 6638:2000
6	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	KPH (LOD=0,02)	4	SMEWW 4500-P.B&E:2017
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	3,6	5	TCVN 5988:1995
8	Coliform	MPN/100ml	< 3	3000	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227662

1. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY NƯỚC CẤP KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước mặt

3. Ký hiệu mẫu : NM – Nước mặt Suối Bà Tươi ngay vị trí xả thải
(X: 594227.3E; Y: 1231287.7N)

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	pH	-	6,79	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	Oxy hòa tan (DO)	mg/l	4,18	≥ 4	TCVN 7324:2006
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	12	15	TCVN 6001-1:2008
4	COD	mg/l	23	30	SMEWW 5220C:2017
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	26	50	TCVN 6625:2000
6	Tổng nitơ	mg/l	3,5	-	TCVN 6638:2000
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	KPH (LOD=0,02)	-	SMEWW 4500-P.B&E:2017
8	Tổng dầu, mỡ	mg/l	KPH (LOD=0,3)	1	SMEWW 5520B:2012
9	Coliform	MPN/100ml	2,1 x 10 ³	7500	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227659

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước mặt

**3. Ký hiệu mẫu : NM1 – Nước mặt sau điểm xả thải Lưu vực 3 ra suối Bà Tươi (cách 100m)
(X: 1230564; Y: 0591751)**

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	BOD ₅ (20°C)	mg/l	9	15	TCVN 6001-1:2008
2	COD	mg/l	16	30	SMEWW 5220C:2017
3	N-NH ₄ ⁺	mg/l	0,48	0,9	SMEWW 4500 NH ₃ B&F:2017
4	N-NO ₃ ⁻	mg/l	1,4	10	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017
5	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,18	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227660

1. Địa điểm lấy mẫu : KHU CÔNG NGHIỆP PHƯỚC ĐÔNG

Địa chỉ: Khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước mặt

**3. Ký hiệu mẫu : NM2 – Nước mặt sau điểm xả thải Lưu vực 4 ra suối Cầu Đức (cách 100m)
(X: 1232913; Y: 0589106)**

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	BOD ₅ (20°C)	mg/l	12	15	TCVN 6001-1:2008
2	COD	mg/l	25	30	SMEWW 5220C:2017
3	N-NH ₄ ⁺	mg/l	0,59	0,9	SMEWW 4500 NH ₃ B&F:2017
4	N-NO ₃ ⁻	mg/l	1,6	10	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ :E:2017
5	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,20	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 227663

1. Địa điểm lấy mẫu : CẦU BẾN ĐÒ

Địa chỉ: huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước mặt

3. Ký hiệu mẫu : NM – Nước mặt tại cuối tiếp giáp sông Vàm Cỏ Đông
(X: 1227735; Y: 0584119)

4. Ngày lấy mẫu : 17/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08-MT:2015 /BTNMT Giá trị C, Cột B1	Phương pháp phân tích
1	BOD ₅ (20°C)	mg/l	12	15	TCVN 6001-1:2008
2	COD	mg/l	26	30	SMEWW 5220C:2017
3	N-NH ₄ ⁺	mg/l	0,71	0,9	SMEWW 4500 NH3 B&F:2017
4	N-NO ₃ ⁻	mg/l	0,35	10	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2017
5	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,19	0,3	SMEWW 4500-P.E:2017

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 22.7759

1. Địa điểm lấy mẫu : CỬA HÀNG XĂNG DẦU 19

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí bên trong

4. Ngày lấy mẫu : 18/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

Điểm đo	Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Độ rung cm/s ²	Toluen mg/m ³	Benzen mg/m ³	Xylen mg/m ³
K2: Khu vực bên trong cửa hàng (X: 592076.3E; Y: 1231062.4N)		66,2	0,1	0,27	0,12	0,10
Phương pháp đo, xác định		TCVN 7878-2:2018	TCVN 6963:2001	NIOSH Method 1501		
QCVN 24:2016/BYT		≤ 85	—	—	—	—
QCVN 27:2016/BYT		—	1,4	—	—	—
QCVN 03:2019/BYT		—	—	300	15	300

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³
K2: Khu vực bên trong cửa hàng (X: 592076.3E; Y: 1231062.4N)		0,179	0,058	0,056	< 8,3
Phương pháp đo, xác định		TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD PT 85-CO
QCVN 02:2019/BYT		8	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT		-	10	10	40

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 27/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 22.7760

1. Địa điểm lấy mẫu : CỬA HÀNG XĂNG DẦU 19

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

3. Ký hiệu mẫu : NT – Nước thải tại hố ga cuối (X: 591332.1E; Y: 1233856.4N)

4. Ngày lấy mẫu : 18/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn KCN Phước Đông (*)	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,64	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	10	150	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	18	250	SMEWW 5220C:2017
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	11	150	TCVN 6625:2000
5	Tổng nitơ	mg/l	5,7	40	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	KPH (LOD=0,25)	10	TCVN 5988:1995
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	KPH (LOD=0,02)	6	SMEWW 4500-P.E:2017
8	Dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	10	SMEWW 5520B&F:2017

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện
- (*) Giá trị giới hạn KCN Phước Đông, áp dụng điều kiện xả thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong KCN Phước Đông

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 22.7761

1. Địa điểm lấy mẫu : CỬA HÀNG XĂNG DẦU 20

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí bên trong

4. Ngày lấy mẫu : 18/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

Điểm đo	Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Độ rung cm/s ²	Toluen mg/m ³	Benzen mg/m ³	Xylen mg/m ³
K2: Khu vực bên trong cửa hàng (X: 592081.2E; Y: 1231063.9N)		65,8	0,1	0,42	0,18	0,13
Phương pháp đo, xác định		TCVN 7878-2:2018	TCVN 6963:2001	NIOSH Method 1501		
QCVN 24:2016/BYT		≤ 85	—	—	—	—
QCVN 27:2016/BYT		—	1,4	—	—	—
QCVN 03:2019/BYT		—	—	300	15	300

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³
K2: Khu vực bên trong cửa hàng (X: 592081.2E; Y: 1231063.9N)		0,160	0,062	0,059	< 8,3
Phương pháp đo, xác định		TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD PT 85-CO
QCVN 02:2019/BYT		8	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT		-	10	10	40

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Bầu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 22.7762

1. Địa điểm lấy mẫu : CỬA HÀNG XĂNG DẦU 20

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

3. Ký hiệu mẫu : NT – Nước thải tại hố ga cuối (X: 591349.9E; Y: 1233867.2N)

4. Ngày lấy mẫu : 18/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn KCN Phước Đông (*)	Phương pháp phân tích
1	pH	-	6,51	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	21	150	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	38	250	SMEWW 5220C:2017
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	30	150	TCVN 6625:2000
5	Tổng nitơ	mg/l	32,2	40	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	8,6	10	TCVN 5988:1995
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	0,75	6	SMEWW 4300-P.E:2017
8	Dầu mỡ khoáng	mg/l	1,2	10	SMEWW 5520B&F:2017

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện
- (*) Giá trị giới hạn KCN Phước Đông, áp dụng điều kiện xả thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong KCN Phước Đông

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 22.7763

1. Địa điểm lấy mẫu : CỬA HÀNG XĂNG DẦU 22

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí bên trong

3. Ngày lấy mẫu : 18/11/2022

4. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

Điểm đo	Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Độ rung cm/s ²	Toluen mg/m ³	Benzen mg/m ³	Xylen mg/m ³
K2: Khu vực bên trong cửa hàng (X: 591440.7E; Y: 1233645.2N)		65,9	0,1	0,28	0,11	0,10
Phương pháp đo, xác định		TCVN 7878-2:2018	TCVN 6963:2001	NIOSH Method 1501		
QCVN 24:2016/BYT		≤ 85	—	—	—	—
QCVN 27:2016/BYT		—	1,4	—	—	—
QCVN 03:2019/BYT		—	—	300	15	300

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³
K2: Khu vực bên trong cửa hàng (X: 591440.7E; Y: 1233645.2N)		0,166	0,057	0,052	< 8,3
Phương pháp đo, xác định		TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD PT 85-CO
QCVN 02:2019/BYT		8	-	-	-
QCVN 03:2019/BYT		-	10	10	40

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiang, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 22.7764

1. Địa điểm lấy mẫu : CỬA HÀNG XĂNG DẦU 22

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Phước Đông, Huyện Gò Dầu, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Nước thải

3. Ký hiệu mẫu : NT – Nước thải tại hố ga cuối (X: 592119.4E; Y: 1231078.2N)

4. Ngày lấy mẫu : 18/11/2022

5. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Giá trị giới hạn KCN Phước Đông (*)	Phương pháp phân tích
1	pH	-	6,98	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	7	150	TCVN 6001-1:2008
3	COD	mg/l	16	250	SMEWW 5220C:2017
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	10	150	TCVN 6625:2000
5	Tổng nitơ	mg/l	4,2	40	TCVN 6638:2000
6	N-NH ₄ ⁺	mg/l	KPH (LOD=0,25)	10	TCVN 5988:1995
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	KPH (LOD=0,05)	6	SMEWW 4300-P.E:2017
8	Dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH (LOD=0,3)	10	SMEWW 5520B&F:2017

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (-): Thông số không quy định giới hạn; KPH: Không Phát Hiện
- (*) Giá trị giới hạn KCN Phước Đông, áp dụng điều kiện xả thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh trong KCN Phước Đông